TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ 2 - Năm học 2021-2022

Môn học: Cơ sở dữ liệu **Số tín chỉ: 03**

GVGD: Nguyễn Thị Thu Cúc **Lớp: CCQ2111AB**

STT	Mã sinh viên	Họ lót	Tên	Mã lớp	BP1	BP2	BP3	BP4	QT	Ghi chú
1	2121110004	Nguyễn Hồ Nhựt	Anh	CCQ2111A	0.0				0.0	Bỏ học
2	2121110009	Nguyễn Kim Hoàng	Anh	CCQ2111A	10.0	8.5	3.8	4.8	5.9	
3	2121170615	Nguyễn Văn	Chiến	CCQ2111A	3.3				0.6	Bỏ học
4	2121110024	Võ Văn	Cường	CCQ2111A	3.3				0.6	Bỏ học
5	2121110017	Nguyễn Trường Bá	Đạt	CCQ2111A	7.5	8.0	0.0	5.5	4.4	
6	2121110018	Nguyễn Lê	Đức	CCQ2111A	9.2	8.3	0.0	4.5	4.4	
7	2121110375	Trần Minh	Dũng	CCQ2111A	7.1	7.5	0.0	2.0	3.1	
8	2121110361	Trần Đỗ Trường	Giang	CCQ2111A	9.6	6.5	4.0	1.0	4.3	
9	2121110006	Tạ Ngọc	Hải	CCQ2111A	10.0	8.8	6.5	8.0	8.0	
10	2121110002	Văn Ngọc	Hải	CCQ2111A	9.2	7.3	2.0	5.5	5.2	
11	2121110023	Nguyễn Đức	Hiếu	CCQ2111A	7.5	6.5	0.0	0.0	2.3	
12	2121110034	Trương Sỹ	Hoàng	CCQ2111A	9.6	7.5	8.0	6.0	7.5	
13	2121110033	Hoàng Văn	Hùng	CCQ2111A	8.3	8.0	3.0	3.0	4.7	

STT	Mã sinh viên	Họ lót	Tên	Mã lớp	BP1	BP2	BP3	BP4	QT	Ghi chú
14	2121110358	Phạm Công	Hùng	CCQ2111A	9.2	7.8	4.5	3.0	5.3	
15	2121110352	Đỗ Quốc	Huy	CCQ2111A	10.0	7.0	1.5	3.0	4.3	
16	2121110027	Chamalea	Khải	CCQ2111A	10.0	7.5	2.0	3.0	4.6	
17	2121110005	Hoàng Nhân	Khải	CCQ2111A	7.5	6.5	0.0	2.0	3.0	
18	2121110020	Trần Đình	Khang	CCQ2111A	9.2	7.0	2.0	0.0	3.4	
19	2121110351	Nguyễn Công Tuấn	Khanh	CCQ2111A	10.0	8.0	9.8	9.5	9.4	
20	2121110014	Nguyễn Duy	Khánh	CCQ2111A	8.8	6.5	2.0	3.5	4.4	
21	2121110016	Nguyễn Đăng	Khoa	CCQ2111A	8.3	8.5	4.5	5.5	6.1	
22	2121110028	Nguyễn Bảo	Lâm	CCQ2111A	3.3	7.0			1.7	Thiếu bài KT
23	2121110013	Tạ Vĩnh	Lộc	CCQ2111A	10.0	6.5	4.0	1.0	4.4	
24	2121110026	Ngô Trần Chí	Minh	CCQ2111A	7.5	6.0	0.0	2.5	3.1	
25	2121110011	Trần Quang	Minh	CCQ2111A	7.5	7.0	1.0	4.0	4.1	
26	2121110031	Trương Thị Thu	Nga	CCQ2111A	10.0	9.3	8.0	8.5	8.7	
27	2121110022	Vũ Bảo	Ngọc	CCQ2111A	1.7				0.3	Bỏ học
28	2121110019	Trần Thanh	Quang	CCQ2111A	9.2	7.8	5.0	4.0	5.8	
29	2121110003	Trần Thanh	Sang	CCQ2111A	9.2	7.0	2.0	5.0	5.0	
30	2121110021	Trần Thị Thanh	Thủy	CCQ2111A	10.0	8.3	6.5	5.5	7.0	
31	2121110376	Nguyễn Trung	Tín	CCQ2111A	9.6	10.0	3.0	5.0	5.9	
32	2121110035	Phùng Ngọc	Toàn	CCQ2111A	10.0	7.3	0.0	4.5	4.4	
33	2121110007	Nguyễn Thành	Trí	CCQ2111A	10.0	7.0	5.0	4.0	5.8	
34	2121110025	Vương Lê	Trung	CCQ2111A	10.0	8.0	3.0	4.0	5.3	
35	2121110015	Nguyễn Nhật	Trường	CCQ2111A	9.2	8.5	3.8	4.0	5.5	
36	2121110032	Phạm Hữu	Tứ	CCQ2111A	8.8	7.8	6.5	3.0	5.9	

STT	Mã sinh viên	Họ lót	Tên	Mã lớp	BP1	BP2	BP3	BP4	QT	Ghi chú
37	2121110048	Nguyễn Thị Kim	Chi	CCQ2111B	9.6	7.0	4.0	5.0	5.8	
38	2121110061	Nguyễn Thành	Công	CCQ2111B	9.2	8.5	3.0	7.3	6.4	
39	2121110062	Trần Văn	Đẳng	CCQ2111B	10.0	6.5	2.0	3.5	4.6	
40	2121110037	Nguyễn Thành	Danh	CCQ2111B	9.2	6.0	1.0	4.5	4.4	
41	2121110063	Nguyễn Thành	Đạt	CCQ2111B	8.3	6.0	3.5	5.5	5.4	
42	2121110393	Vũ Văn	Định	CCQ2111B	8.3	7.0	3.5	9.5	6.9	
43	2121110047	Dương Nguyễn Anh	Dũng	CCQ2111B	10.0	6.5	3.8	3.0	5.0	
44	2121110359	Trần Phước Nhật	Duy	CCQ2111B	8.3	7.3	3.8	4.0	5.2	
45	2121110069	Lê Thanh	Hà	CCQ2111B	5.0	6.0			1.8	Thiếu bài KT
46	2121110386	Trần Đức	Hải	CCQ2111B	1.7				0.3	Bỏ học
47	2121110353	Phạm Phúc	Hân	CCQ2111B	8.3	8.5	0.0	7.3	5.2	
48	2121110045	Đặng Ngọc	Hiển	CCQ2111B	9.2	6.5	1.0	5.0	4.6	
49	2121110060	Nguyễn Cao	Hùng	CCQ2111B	10.0	7.0	2.5	4.0	5.0	
50	2121110064	Đoàn Minh	Hưng	CCQ2111B	10.0	5.0	4.0	4.5	5.3	
51	2121110051	Phạm Gia	Khang	CCQ2111B	7.5		5.0		2.9	Thiếu bài KT
52	2121110057	Nguyễn Công	Khánh	CCQ2111B	8.8	8.3	2.5	4.3	5.1	
53	2121110065	Nguyễn Thành	Khoa	CCQ2111B	7.1	7.5	4.3	3.0	4.8	
54	2121110053	Trần Thanh	Lâm	CCQ2111B	1.7				0.3	Bỏ học
55	2121110054	Nguyễn Thuận	Phát	CCQ2111B	10.0	10.0	5.8	7.3	7.7	
56	2121110050	Hoàng Văn	Phú	CCQ2111B	9.2	7.5	3.0	3.5	4.9	
57	2121110052	Lê Đức	Phú	CCQ2111B	8.8	7.5	3.0	4.0	5.0	
58	2121110038	Nguyễn Thị Thúy	Phượng	CCQ2111B	9.2	7.0	0.5	6.5	5.0	
59	2121110055	Thới Anh	Tài	CCQ2111B	9.2	6.8	0.0	1.0	3.0	

STT	Mã sinh viên	Họ lót	Tên	Mã lớp	BP1	BP2	BP3	BP4	QT	Ghi chú
60	2121110044	Lâm Nhật	Tân	CCQ2111B	9.6	10.0	3.5	6.0	6.4	
61	2121110067	Võ Duy	Tân	CCQ2111B	9.2	8.3	0.0	4.0	4.2	
62	2121110036	Nguyễn Thị Thu	Thảo	CCQ2111B	8.3	7.0	0.0	6.5	4.7	
63	2121110042	Nguyễn Phúc	Thọ	CCQ2111B	10.0	10.0	9.0	2.0	7.0	
64	2121110040	Bùi Thị Hồng	Thơm	CCQ2111B	10.0	5.0	4.3	4.0	5.3	
65	2121110070	Nguyễn Thị Mỹ	Thuận	CCQ2111B	9.6	7.5	2.5	4.5	5.2	
66	2121110039	Phạm Văn	Tín	CCQ2111B	8.3	7.5	1.0	5.8	4.9	
67	2121110043	Nguyễn Quốc	Trung	CCQ2111B	10.0	5.3	4.3	5.0	5.6	
68	2121110066	Đoàn Quốc	Việt	CCQ2111B	8.8	8.0	1.0	0.0	3.1	
69	2121110046	Trịnh Quốc	Việt	CCQ2111B	9.2	8.0	5.0	8.3	7.3	
70	2121110068	Nguyễn Đức	Vinh	CCQ2111B	10.0	7.0	3.0	3.5	5.0	
71	2121110049	Thái Huy	Vũ	CCQ2111B	0.0				0.0	Bỏ học
72	2121110058	Phan Phú	Yên	CCQ2111B	9.6	6.0	4.8	0.0	4.2	